

**TIẾP CẬN VĂN HOÁ CÁC TỘC NGƯỜI VIỆT NAM BẰNG CON ĐƯỜNG  
NGHIÊN CỨU SO SÁNH TRUYỆN KỂ DÂN GIAN**

**TS. Hà Thị Thu Hương**

*Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội*

**Đặt vấn đề**

Cuộc sống hiện đại trong sự hội nhập quốc tế đang diễn ra mạnh như vũ bão đã làm cho nhu cầu nhận thức sâu sắc vấn đề bảo tồn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và văn hoá tộc người trở nên cấp bách hơn bao giờ hết. Coi trọng văn hoá truyền thống chính là coi trọng nền tảng sức mạnh tinh thần của dân tộc. Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ V khoá VIII đã nêu rõ: “Di sản văn hoá là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hoá. Cần phải hết sức coi trọng, bảo tồn, phát huy những giá trị văn hoá truyền thống” [1, tr.63]. Xu thế trở về cội nguồn để khẳng định những giá trị văn hoá truyền thống là hướng đi mang tính tất yếu của thời đại. Muốn nhận diện được sự biến đổi văn hóa từ truyền thống đến hiện đại trong giao lưu hội nhập trên những bình diện mới giữa các quốc gia dân tộc hiện nay thì vấn đề bảo tồn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và văn hóa tộc người có ý nghĩa lớn lao trong việc tham gia đối thoại với các nền văn hóa, văn minh trong khu vực và có thể xa hơn, rộng hơn.

Sự cần thiết của việc nghiên cứu so sánh văn hoá của 54 tộc người trên lãnh thổ Việt Nam, nhất là giữa văn hoá của người Kinh (Việt) và văn hoá các tộc người khác đã từ lâu được giới nghiên cứu văn hoá Việt Nam đề cập đến. Theo nhiều nhà nghiên cứu văn hoá Việt Nam, nghiên cứu so sánh văn hoá người Kinh với văn hoá các tộc người khác cư trú trên lãnh thổ Việt Nam thực chất là đặt văn hoá Việt Nam vào bối cảnh Đông Nam Á để phân tích, nhận diện.

Đặt văn học dân gian các thành phần dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam trong bối cảnh các mối quan hệ văn hoá tộc người cũng là một định hướng chiến lược của giới nghiên cứu văn hoá Việt Nam. Giới nghiên cứu ngày càng thấy rõ ý nghĩa của việc nghiên cứu quan hệ lịch sử - văn hoá tộc người đối với việc nhận diện văn hóa Việt Nam nói chung. Văn học dân gian với ưu thế về chất liệu ngôn từ trong sự phản ánh thực tại là sự tích hợp những giá trị ưu tú nhất của văn hoá dân gian và tiềm ẩn nhiều mạch nguồn văn hóa, tư tưởng của dân tộc. Văn học dân gian mang sức nặng của cả một gia tài văn hoá được trải nghiệm qua không gian và thời gian, được bảo lưu và trao truyền từ thế hệ

này đến thế hệ khác. Tìm hiểu, phân tích những giá trị của các tác phẩm văn học dân gian có nghĩa là góp phần nghiên cứu, bảo tồn và phát huy văn hoá dân tộc. Văn học dân gian các dân tộc Việt Nam được đặt trong sự tương tác phức hợp giữa lịch sử và văn hóa của các tộc người. Chính vì thế, qua văn học dân gian chúng ta có thể nhận diện được tính hòa hợp trong đa dạng của mối quan hệ văn hóa giữa các tộc người. Vấn đề tiếp xúc, hội tụ khi nghiên cứu văn học dân gian các tộc người là nhằm làm rõ các mối quan hệ dân tộc - tộc người trong tổng thể văn hóa cộng đồng quốc gia dân tộc.

Trong di sản văn học dân gian của các tộc người thì truyện kể dân gian giữ một vai trò quan trọng, với hệ thống đề tài và motif vừa mang đặc trưng tộc người qua các phương thức biểu hiện riêng vừa mang dấu ấn chung của cả cộng đồng quốc gia dân tộc. Truyện kể dân gian của các tộc người Việt Nam chứa đựng những giá trị văn hoá truyền thống vô giá đã được truyền giao qua nhiều thời đại. Qua truyện kể dân gian chúng ta có thể nhận diện được nguồn gốc các loại hình văn hoá với đặc trưng vùng, địa phương rõ nét cùng với phong tục tập quán, tín ngưỡng, lối sống ... của một tộc người hay của cả một dân tộc.

Chính vì những lý do trên, chúng tôi cho rằng hướng tiếp cận văn hoá các tộc người Việt Nam qua con đường nghiên cứu so sánh truyện kể dân gian sẽ đem lại nhiều khám phá bất ngờ khi tìm hiểu văn hoá Việt Nam - một nền văn hoá đa tộc người nhưng được xác định trong một phức thể thống nhất.

## **1. Văn hoá tộc người Việt Nam - những lý giải cần thiết**

### ***1.1. Tộc người, văn hóa tộc người và văn hóa của tộc người***

Thực tế lịch sử đã chỉ rõ tầm quan trọng của vấn đề tộc người đối với mỗi quốc gia dân tộc và tác động của mối quan hệ tộc người trong sự phát triển chung của cả dân tộc. Tại lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn Quốc gia vào ngày 26/12/2003, ông Đỗ Hoài Nam đã nhấn mạnh: "Sự hình thành dân tộc Việt Nam có liên quan đến vấn đề các tộc người cư trú trên dải đất Việt Nam tạo thành cộng đồng dân tộc Việt Nam" [13, tr.5]. Việt Nam là một quốc gia, một cộng đồng dân tộc với 54 tộc người được chia theo các nhóm ngôn ngữ tộc người.

Điều dễ nhận thấy là các định nghĩa về tộc người thường nhấn mạnh yếu tố văn hóa như là dấu hiệu nhận diện quan trọng về tộc người. Vào những năm 70 của thế kỷ trước, Iulian Vladimirovich Bromlei (Nga) đã từng nhấn mạnh: trong cộng đồng tộc người, ngoài những đặc điểm bề ngoài về thể chất của con người mang những dấu hiệu chủng tộc ra thì các tộc người còn được phân biệt bằng những đặc điểm khác còn quan trọng hơn nhiều, trước hết là những đặc điểm về văn hoá [19, tr.22]. Ở Việt Nam, có lẽ cũng khoảng thời gian đó, khi nghiên cứu *Quá trình tộc người và mối quan hệ dân tộc ở*

*nước ta*, giáo sư Phan Hữu Dật đã định nghĩa như sau về tộc người: "Tộc người là một cộng đồng người được hình thành trong lịch sử, mang ba tiêu chuẩn chủ yếu sau đây: cùng chung tiếng nói; cùng có chung một ý thức tự giác tộc người biểu hiện ở tên tự gọi chung; có những yếu tố văn hoá thống nhất." Và "...Tộc người là một phạm trù lịch sử, có phát sinh, phát triển và tiêu vong" [4, tr.456]. Còn giáo sư Đặng Nghiêm Vạn lại diễn giải một cách cụ thể hơn: tộc người "là một cộng đồng mang tính tộc người có chung một tên gọi, một ngôn ngữ (trừ trường hợp cá biệt) được liên kết với nhau bằng những giá trị sinh hoạt văn hoá, tạo thành một tính cách tộc người, có chung một ý thức tự giác tộc người, tức có chung một khát vọng, được cùng chung sống, có chung một số phận lịch sử thể hiện ở những kí ức lịch sử (truyền thuyết, lịch sử, huyền thoại, kiêng cử...). Một tộc người không nhất thiết phải có cùng lãnh thổ, cùng một cộng đồng sinh hoạt kinh tế" [21, tr.73], nhưng tộc người thường là một bộ phận cấu thành một quốc gia, dân tộc. Chính giáo sư Đặng Nghiêm Vạn cũng là người đã phân biệt rất rõ hai khái niệm dân tộc (nation) và tộc người (ethnic) [21, tr.15 – 75].

Các nhà dân tộc học nói trên đều thống nhất nhấn mạnh ba tiêu chí căn bản xác định tộc người, đó là: ngôn ngữ, văn hoá và ý thức tự giác tộc người. Văn hóa có vai trò vô cùng lớn lao đối với sự hình thành và phát triển các cộng đồng tộc người. Còn theo chúng tôi: Tộc người là một chủ thể mang tính cộng đồng, sáng tạo nên ngôn ngữ và văn hóa mang đặc trưng của tộc người đó với ý thức tự giác tộc người. Văn hoá tộc người được hiểu theo nghĩa rộng nhất là tập hợp những phương thức hoạt động riêng biệt với những kết quả cụ thể của một cá nhân cũng như của cả một cộng đồng tộc người. Trên thực tế, trong vô số các cách tiếp cận khác nhau về văn hóa, ta có thể phân tích bản chất của văn hóa từ quan điểm dân tộc học. Trong trường hợp này, văn hóa chính là văn hóa tộc người, văn hóa được hình thành cùng với quá trình hình thành tộc người. Nguyễn Từ Chi đã có một cách hình dung rất dễ hiểu về tộc người và văn hóa tộc người. Theo ông, trong ứng xử với môi trường, thiên nhiên xung quanh con người, con người với tính cách một cá nhân đơn lẻ không thể tồn tại được mà cần có sự hợp tác chặt chẽ của tất cả mọi thành viên của một cộng đồng. Cộng đồng lớn nhỏ khác nhau tùy theo môi trường sống và lao động, như: cộng đồng ở dạng từng nhóm nhỏ cùng huyết thống trong điều kiện chật hẹp của từng vùng; thị tộc và bộ lạc trong môi trường rộng thoáng của đồng cỏ; công xã định cư khi chuyển sang tròng trọt... Để giữ vững mối liên kết cộng đồng ấy, mỗi cộng đồng trong từng trường hợp cụ thể của mình phải đặt ra những qui tắc tổ chức riêng biệt, vốn không có ngay từ đầu trong bản năng của con người. Thế là văn hóa hình thành, bởi văn hóa hiểu một cách thật giản dị chính là cái gì không phải là thiên nhiên [3, tr.565 - 566]. Như vậy, cơ sở hình thành văn hóa chính là hoạt động sống, sinh hoạt, lao

động của cộng đồng người. Các biểu hiện tinh thần của văn hóa (văn hóa phi vật thể) được hình thành, theo cách trình bày của Nguyễn Từ Chi, nhờ áp lực của các “nghị thức xã hội hay tôn giáo” thực hành trong cộng đồng tộc người: nghị thức trong ăn uống, cách cư xử trong gia đình, ngoài xã hội, đám cưới, đám tang... Tiếp đến là thơ ca, nhạc, họa và các loại hình nghệ thuật khác. Tất cả đã tạo nên văn hoá tộc người. Về vấn đề này, nhà Folklore học Ngô Đức Thịnh cũng đã khái quát: văn hoá tộc người là tổng thể các yếu tố văn hoá mang tính đặc thù tộc người, nó thực hiện chức năng cố kết tộc người và phân biệt tộc người này với tộc người kia. Trong văn hoá tộc người, các yếu tố đầu tiên được nhận diện là ngôn ngữ, trang phục, các tín ngưỡng và nghi lễ, vốn văn học dân gian, tri thức dân gian về tự nhiên xã hội, về bản thân con người và tri thức sản xuất, khẩu vị ăn uống, tâm lý dân tộc... [22, tr.107]. Điều đó cũng có nghĩa, diện mạo chính của văn hóa tộc người là văn hóa dân gian.

Tất nhiên, các tộc người khác nhau sẽ có các nền văn hóa khác nhau. Theo quan sát dân tộc học của Nguyễn Từ Chi, có hai diện mạo chính quyết định nền văn hóa của một tộc người. Đó là: 1) môi trường tự nhiên mà tộc người đó định cư. Chính môi trường định cư qui định sự hình thành các ứng xử văn hóa phù hợp với môi trường; 2) nguồn gốc văn hóa tộc người: các tộc người khác nhau trong môi trường khác nhau thì có nền văn hóa khác nhau; nhưng do nhiều lý do mà họ thiên di đến nơi khác, một loạt ứng xử văn hóa mới được hình thành để thích ứng với môi trường mới đồng thời các ứng xử văn hóa cũ vẫn được bảo lưu [3, tr.627 - 628]. Trong quá trình di chuyển này của các tộc người, thực chất đã diễn ra sự giao lưu và tiếp biến văn hóa. Quá trình giao lưu và tiếp biến tất nhiên diễn ra rõ ràng hơn, mạnh mẽ hơn đối với các nền văn hóa của những tộc người sống trên một địa bàn gần nhau, khả năng cư trú xen kẽ là một khả năng hiện thực. Từ thực tế đó, các nhà khoa học nhân văn đã dùng hai khái niệm khác nhau văn hoá tộc người và văn hoá của tộc người. Văn hoá tộc người dùng để chỉ văn hóa của riêng cộng đồng một tộc người trong ứng xử với thiên nhiên với những giá trị hằng số. Còn văn hoá của tộc người lại là các yếu tố văn hoá hiện đại của một tộc người nào đó trong đó cả yếu tố văn hoá truyền thống - văn hoá tộc người và yếu tố văn hoá của tộc người khác được tiếp nhận qua quá trình giao lưu văn hoá. Các yếu tố văn hoá của tộc người có thể đến một lúc nào đó sẽ trở thành yếu tố văn hoá tộc người [2, tr.123]. Chẳng phải ngẫu nhiên mà đã có học giả Pháp ví Việt Nam là ngã tư của các nền văn minh. Hiếm thấy nơi nào trên thế giới các tôn giáo lớn đều được truyền vào như ở Việt Nam: từ đạo Phật, cho đến đạo của Nho giáo, Lão giáo, Ấn Độ giáo đến cả đạo Cơ đốc, đạo Tin lành, đạo Hồi. Cũng ít có nơi trên thế giới được chứng kiến sự tác động mạnh của các nền văn minh lớn như ở Việt Nam: từ văn minh Trung Hoa, Ấn Độ, Ả Rập đến văn minh Âu, Mỹ... Người Việt

có khả năng bản địa hoá các yếu tố văn hoá vốn không phải là của mình "để ứng dụng đặc lực" cho mình. Nói một cách đơn giản nhất văn hoá tộc người là những cái ban đầu, cái gốc, còn văn hoá của tộc người là văn hoá thường được làm giàu thêm bởi sự tiếp xúc giao lưu với các tộc láng giềng.

Dưới góc độ của người nghiên cứu văn học - văn hoá dân gian, chúng tôi cho rằng cần phải nhấn mạnh văn hoá tộc người là toàn bộ các giá trị văn hoá vật chất và tinh thần mà chủ thể sáng tạo, người mang chứa (người bảo lưu giữ gìn), người hưởng thụ và người biểu hiện nó là chính tộc người đó. Chúng tôi muốn dừng lại ở một vài ví dụ để làm rõ khái niệm vừa nêu về văn hoá tộc người. Theo nhà dân tộc học Lã Văn Lô thì tục thờ cúng tổ tiên vốn phổ biến trong nhiều dân tộc ở Châu Á, Châu Phi, được bắt nguồn từ tục thờ cúng thị tộc, gia tộc trong giai đoạn phát triển của thị tộc với ý thức bảo vệ thị tộc dòng họ, con người lúc đó tự củng cố thêm khái niệm linh hồn tồn tại. Người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam đều thờ tổ tiên là chính [11]. Còn với người Việt (Kinh) thì thờ cúng tổ tiên được nhận thức như một vấn đề đáp ứng được nhu cầu ở mức cao nhất khi muốn tìm hiểu về hệ thống phong tục tín ngưỡng trong nền văn hoá Việt Nam. Tục thờ cúng tổ tiên của người Việt một mặt dựa trên nền tảng của những quan niệm dân gian về các vấn đề nhân sinh, thế giới, xã hội, mặt khác cũng phản ánh những quan niệm triết lý, ước nguyện, chuẩn mực về lối sống, về hành vi ứng xử trên nền tảng trọng lễ, trọng ơn nghĩa. Nói một cách khái quát ở góc độ văn hoá, có thể nói tục thờ cúng tổ tiên của người Việt là một hình thái đặc biệt của phép ứng xử được thiết lập giữa người đang sống - con cháu với những người đã khuất - tổ tiên; giữa thế giới hiện hữu - cõi dương với thế giới siêu nhiên - cõi âm. Người Việt mang chứa bảo lưu những giá trị văn hoá ứng xử đó, họ hưởng thụ và biểu hiện nó trong mối liên kết với cộng đồng làng bản và toàn thể xã hội. Ngay trong thành phố, ở những ngôi nhà xa cách làng quê, họ cũng đã chọn nơi cao nhất tầng trên cùng nơi có lối thông giữa trời và đất để thờ cúng, để cho con người được hoà với khí thiên nhiên trong những phút trầm mặc tưởng nhớ tổ tiên. Tổ tiên thân thuộc trong mỗi gia đình dòng họ và tổ tiên còn mang ý nghĩa lớn lao đó là Tổ quốc là đất nước. Điều đó đã vượt ra khỏi góc độ gia đình, cá nhân, thành tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên giống nòi dân tộc. Bao đời nay, các thế hệ người Việt Nam đã trao truyền niềm tin tín ngưỡng, dù ở đâu đi đâu vẫn luôn nhớ về "ngày giỗ Tổ mùng mười tháng ba", để cùng hành hương về vùng đất Tổ Phong Châu, nơi có Âu Cơ Lạc Long Quân, Tổ tiên của cả cộng đồng các tộc người Việt Nam, nơi có vua Tổ Hùng Vương dựng nên nước Việt. Chính tín ngưỡng thiêng liêng này đã trở thành sợi dây cố kết cộng đồng dân tộc, tăng thêm sức mạnh để chiến thắng kẻ thù trong các cuộc chiến tranh giành độc lập, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của 54 tộc người trên đất nước Việt Nam.

Lối sống "uống nước nhớ nguồn" đó, tạo nên sắc thái văn hoá tộc người. Văn hoá tộc người xét đến cùng là sự bảo lưu những giá trị văn hoá đã được nhập thân một cách tự nhiên và tự nguyện của cộng đồng. Cộng đồng có thể là một nhóm nhỏ trong một làng và rộng ra là một vùng, một miền. Đi kèm với những giá trị văn hoá vật chất là những giá trị văn hoá tinh thần. Đó là phong tục tập quán, là tín ngưỡng, là lễ hội và văn nghệ dân gian. Văn nghệ dân gian giữ vai trò phản ánh và tích hợp bằng cách này hay cách khác tất cả những giá trị đó, coi đó như là một thực tại, đối tượng của nghệ thuật dân gian trong đó có văn học dân gian. Toàn bộ những sáng tạo tinh thần nói trên được tạo thành trên cơ sở của hai điều kiện: một là, điều kiện chế định của văn hoá tộc người vì chính những giá trị sáng tạo đó là những thành tố của văn hoá tộc người, hai là những giá trị văn hoá tộc người đều có nguồn gốc hình thành và phát triển trong sự chế định của hoàn cảnh và môi trường. Đó là môi trường tự nhiên và xã hội buổi đầu trên chính địa bàn sinh tụ của tộc người. Cái quan trọng nhất là những cái bắt đầu để từ đó được khơi nguồn và phát triển về sau. Văn hoá tộc người chính là những cái bắt đầu của giá trị cơ tầng, nền tảng để hình thành nên văn hoá dân tộc. Từ nhận thức khởi nguyên về loài người, về nguồn gốc tộc người trong ý niệm nguyên sơ được sinh ra từ một bọc trăm trứng của Lạc Long Quân và Âu Cơ, của bố Rồng, mẹ Tiên như trong truyện kể của người Việt hay các truyện kể về quả bầu của các tộc người khác đã ăn sâu vào tâm thức dân tộc về yếu tố huyết thống. Ý thức, tình cảm cội nguồn của những tộc người có cùng một tổ tiên từ cái bắt đầu trong những huyền thoại đã phát triển nâng dần lên thành nhân tố cơ bản để cố kết các tộc người bằng ý thức huyết thống, tạo nên sức mạnh của tinh thần đoàn kết dân tộc với hạt nhân là lòng yêu nước thương nòi, giàu tình nghĩa đồng bào. Đây chính là ý nghĩa, là giá trị trường tồn của văn hoá tộc người.

### ***1.2. Chức năng tộc người của văn hoá***

Căn cứ vào những khái niệm cơ bản về văn hoá tộc người như đã phân tích ở phần trên, chúng tôi quan niệm khi văn hoá tộc người được hiểu theo nghĩa là các giá trị, các chuẩn mực của tộc người được hình thành có tính lịch sử, được phản ánh vào đời sống sinh hoạt của cộng đồng tộc người ấy thì việc xác định chức năng tộc người của văn hoá là rất quan trọng đối với nghiên cứu văn hoá tộc người. Chức năng tộc người của văn hoá có thể khái quát lại trong sáu từ, đó là bảo tồn, chọn lọc và điều tiết các giá trị văn hoá tộc người. Ngoài việc duy trì sự tồn tại của tộc người, theo chúng tôi, chức năng tộc người của văn hoá còn có ba nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, chức năng tộc người của văn hoá có nhiệm vụ bảo tồn bản sắc văn hoá tộc người để chống lại những ảnh hưởng có tính áp đặt hoặc có tính lấn át. Các tộc người đã bảo lưu những giá trị văn hoá truyền thống của tộc người mình trong các pho truyền

thuyết, các bộ sử thi, các áng truyện thơ và kho tàng tục ngữ, ca dao, dân ca..., với các tác phẩm đặc sắc như *Khám hải*, *Nam Kim Thị Đan* của người Tày; *Đẻ đất đẻ nước* của người Mường; *Sóng chụ xon sao* của người Thái; *Đam San*, *Xing Nhã* của người Ê-đê ... và ngay trong cả những tín ngưỡng, lễ hội dân gian .... Hơn nữa, tộc người Kinh (Việt) với khả năng tiếp nhận và khả năng lan toả của văn hoá tộc người chủ thể đã bảo lưu những giá trị văn hoá tộc người trong sự gắn kết văn hoá dân tộc. Vì “văn hoá Việt do khả năng thâm nhận cao nên cũng có độ lan tỏa và ảnh hưởng đối với văn hoá tộc người khác trong phạm vi quốc gia Việt Nam” [18, tr.5]. Chức năng tộc người của văn hoá làm cho văn hoá không bị đứt mạch. Chức năng tộc người của văn hoá cũng là nền tảng để trên cơ sở đó tiếp thu những cái mới.

Thứ hai, chức năng tộc người của văn hoá còn làm nhiệm vụ chọn lọc các yếu tố văn hoá ngoại tộc để làm giàu thêm cho văn hoá tộc người. Tìm ra được các tín hiệu văn hoá mang tính đặc trưng tộc người bằng phương pháp giải mã văn hoá các biểu tượng văn hoá dân gian sẽ giúp chúng ta nhận diện rõ hơn chức năng tộc người của văn hoá trong việc "chọn lọc" theo hai tiêu chuẩn: Một là, chọn lọc phải là những cái mới, cái có ý nghĩa phát triển chứ không phải là cái lạ. Cái lạ có khi chính lại là cái cản trở. Ngay vấn đề văn hoá trong xã hội hiện đại đã cung cấp nhiều bằng chứng của sự chọn lọc văn hoá. Hiện tượng nhạc Rock, đó là cái mới có ý nghĩa phát triển, làm cho con người nhất là giới trẻ trở nên năng động hơn, đáp ứng được lối sống hiện đại. Nhưng hiện tượng "lắc" lại là cái lạ có ý nghĩa kìm hãm làm suy thoái thể chất và tinh thần. Dưới góc độ nghiên cứu xã hội học và văn hoá học thì nó còn làm băng hoại cả một thế hệ nếu như không được ngăn chặn kịp thời. Hai là, chọn lọc những cái có thể tạo nên sự hài hoà, hội nhập một cách tự nhiên. Để làm rõ ý này, chúng tôi muốn mượn một hình ảnh trong y học để so sánh. Khi được cấy ghép một bộ phận nào trong cơ thể, điều đó có nghĩa là, con người phải tạo ra một sức đề kháng để dung nạp, tiếp nhận và cũng để đào thải những yếu tố lạ không thể cùng chung sống được. Biện chứng của tự nhiên và biện chứng của xã hội đều thể hiện những nguyên lý đó. Nhưng có điều là trong biện chứng xã hội thì sự ẩn tàng nhiều chứ không lộ sáng, không dễ nắm bắt.

Thứ ba, chức năng tộc người của văn hoá luôn giữ vai trò điều tiết đời sống văn hoá cộng đồng vừa tương đồng ổn định bền vững vừa giao lưu hội nhập và phát triển. Văn hoá tộc người giữ vai trò vô cùng quan trọng trong việc khẳng định bản sắc văn hoá dân tộc. Nếu nói “văn hoá là sự bộc lộ đặc thù của lối sống, hành vi ứng xử của các dân tộc riêng biệt, phương thức cảm nhận thế giới đặc biệt của nó trong huyền thoại, truyền thuyết, hệ thống tín ngưỡng, tôn giáo bằng sự định hướng giá trị đã mang lại ý nghĩa cho sự tồn tại của con người” [10, tr.49] thì văn hoá tộc người nằm trong chính hệ quy chiếu

đó. Một nền văn hoá bao giờ cũng hàm chứa nhiều yếu tố, trong đó yếu tố văn hoá tộc người là một trong những yếu tố quan trọng của nền văn hoá có nhiều thành phần tộc người như nền văn hoá Việt Nam. Các tộc người Việt Nam vốn cùng sinh tụ lâu đời trên một khu vực địa lý là hành lang của châu Á nhìn ra Thái Bình Dương, theo trục Bắc - Nam với hướng mở rộng về phía Nam. Điều kiện tự nhiên vừa có tính thống nhất vừa có tính khu biệt đã tạo ra cho Việt Nam những thông số chung của văn hoá dân tộc quốc gia, trên cơ tầng văn hoá bản địa Đông Nam Á và những bản sắc văn hoá tộc người vừa phong phú vừa đậm đà, có yếu tố phổ biến và yếu tố đặc thù [16, tr.55]. Đó là nền văn hoá có cội nguồn và bản sắc riêng của ba phức thể văn hoá lúa nước với ba yếu tố: văn hoá rừng núi, văn hoá đồng bằng, văn hoá biển, yếu tố đồng bằng tuy có sau nhưng lại đóng vai trò chủ thể [6].

Như vậy, nền văn hoá riêng của mỗi tộc người đã trở thành những thành phần hữu cơ của nền văn hoá Việt Nam qua sự liên kết và điều tiết của chức năng tộc người của văn hoá thông qua sự giao lưu tiếp biến văn hoá giữa các tộc người.

## **2. Vai trò của truyện kể dân gian trong văn hoá tộc người**

### **2.1. Vai trò của văn học dân gian trong văn hóa tộc người**

Là một thành phần của cấu trúc văn hóa Việt Nam thống nhất, văn học dân gian do đó cũng thực hiện chức năng văn hóa tộc người với những đặc trưng riêng của nó, theo giáo sư Nguyễn Xuân Kính, “văn học dân gian là thành tố của văn hóa, có nhiều lợi thế trong việc phản ánh bản sắc văn hóa dân tộc, thể hiện cách cảm, lối nghĩ của dân tộc” [9, tr.94].

Theo nhận xét của Chu Xuân Diên, các ngành khoa học như khảo cổ học, dân tộc học, ngôn ngữ học có thể cung cấp dữ liệu cho việc xác định quan hệ giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa người Việt Mường và người Tày Thái trong các lĩnh vực văn hóa sản xuất và đời sống vật chất, văn hóa xã hội. Những bằng chứng do ngành văn hóa dân gian cung cấp được giới nghiên cứu tiếp nhận nhưng với thái độ dè dặt hơn. “Thái độ dè dặt này cũng dễ hiểu, bởi các hiện tượng văn học, nghệ thuật dân gian là sự ánh xạ của các hiện tượng văn hóa vật chất và văn hóa xã hội, nếu coi là một thứ bằng chứng thì bản thân chúng cũng cần phải được xác minh bởi hai loại bằng chứng trên” [5, tr.149]. Tuy nhiên, sau khi nêu nguyên tắc xử lý riêng với các bằng chứng văn học dân gian cung cấp cho văn hóa tộc người, chính ông cũng lại đã vạch đề cương cho chiến lược nghiên cứu chức năng văn hóa tộc người của văn học dân gian theo các thể loại. Ông nêu lên một nguyên lý chung: “Chức năng văn hóa tộc người không chỉ thể hiện trong sự hình thành và củng cố ý thức tộc người mà còn trong cả sự tổ chức đời sống tộc người. Sự đa dạng về văn hóa tộc người cũng như những sự biến đổi lịch sử – xã hội là nguyên nhân của sự đa



dạng về cấu trúc chức năng tộc người cũng như sự biến đổi, chuyển hóa các dạng thức thể loại khi có sự biến đổi, chuyển hóa của các cấu trúc chức năng – tộc người” [5, tr.174]. Từ đó, ông phác họa chức năng văn hóa tộc người của các thể loại văn học dân gian. Chẳng hạn, ông cho là chức năng văn hóa tộc người của thần thoại, truyền thuyết và sử thi dân gian bộc lộ trong các hoạt động có sử dụng thần thoại, truyền thuyết, hoặc có nền tảng lý thuyết là thần thoại, truyền thuyết như các phong tục và nghi lễ lịch tiết (nghi lễ ma thuật và nghi lễ nông nghiệp); lễ hội lịch sử, lễ hội tôn giáo, các nghi lễ “chuyển tiếp” (nghi lễ trưởng thành, hôn lễ, tang lễ); các nghi lễ - ma thuật khác. Nói một cách khái quát, chức năng văn hóa tộc người của thần thoại, truyền thuyết và sử thi dân gian là tôn giáo hóa, lịch sử hóa, nghệ thuật hóa. Đối với truyện dân gian như truyện cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn, cần phân tích các sinh hoạt kể chuyện dân gian để làm nổi bật biểu hiện tộc người của các chức năng ma thuật, khuyến giáo, và giải trí là của các truyện dân gian. Đối với tục ngữ, câu đố và các công thức hành ngôn khác (câu phù phép - ma thuật, câu thề...), ông nhấn mạnh chức năng “lập pháp” của tục ngữ và các biến dạng chức năng thể loại của nó (luật tục, hương ước). Chức năng hướng dẫn dư luận và thể ứng xử của các thành viên trong cộng đồng, tổng kết các tri thức về tự nhiên và xã hội. Chu Xuân Diên khái quát một số chức năng tộc người của các loại dân ca: các loại lao động có sử dụng bài hát lao động và những biểu hiện của chức năng tổ chức và tăng cường hiệu quả lao động trong các sinh hoạt lao động của các tộc người. Dân ca trữ tình sinh hoạt: hát ru, hát trò chơi với chức năng rèn luyện “kỹ năng”; dân ca tình yêu, hát giao duyên và chức năng thực hành phong tục nghi lễ của giao tiếp nam nữ và hôn nhân - gia đình... Hướng phân tích chức năng văn hóa tộc người của văn học dân gian theo từng thể loại rất đáng nghiên cứu và vận dụng tuy mới chỉ là những quan sát ban đầu, ở dạng đề cương học thuật, cần được hoàn chỉnh, bổ sung thêm bằng nghiên cứu kỹ từng thể loại và tính đến đặc trưng chuyển hóa, thâm nhập lẫn nhau của các thể loại.

Văn hoá dân gian và đặc biệt là văn học dân gian - một thành tố của văn hoá dân gian đã tồn tại và vận hành song song với sự vận hành của quá trình tộc người ở Việt Nam. Văn học dân gian đã trở thành một kho tài liệu quý cho các nghiên cứu dân tộc học về văn hoá tộc người Việt Nam. Văn học dân gian đã phản ánh, lưu giữ và tích hợp được nhiều giá trị văn hoá tộc người Việt Nam.

## **2.2. *Truyện kể dân gian và văn hóa tộc người***

Qua phân tích lý thuyết văn hoá tộc người có tính dẫn luận trên, chúng tôi muốn nhấn mạnh chính văn hoá tộc người là kho tư liệu, cung cấp chất liệu, là phương tiện, còn chức năng tộc người của văn hoá làm nhiệm vụ chọn lựa, bảo tồn, điều tiết. Khi nói đến chức năng tộc người của văn hoá theo cách nói của phương pháp luận thì nó là điểm

nhìn, là trường nhìn, là sự chọn lọc, là cách thể hiện của các tác giả dân gian, của người sáng tạo từ chính lập trường của họ. Điểm nhìn là không gian, trường nhìn là sự bao quát tất cả kể cả thời gian, không gian và sự lựa chọn theo tính chủ quan trong việc biểu hiện quan niệm về con người, về cuộc sống. Sự lựa chọn thể hiện rõ quan niệm của người sáng tạo, đã là nhân vật người mờ côi thì thể nào cũng được đổi phận, người em bao giờ cũng tốt hơn người anh, nhân vật nữ thường là thông minh và tốt bụng, các chàng trai miền núi thường khoẻ mạnh, kỳ tài, muốn chiến thắng, muốn giúp người khác, bao giờ thì hạnh phúc cũng là được lên ngôi - làm vua, được kết hôn với người đẹp... Còn sự thể hiện lại mang rõ đặc trưng văn hoá tộc người. Nếu chàng trai dũng sĩ của người Kinh thuần thực với việc dùng cung tên, có lẽ do ảnh hưởng trực tiếp của văn hoá Hán, thì chàng trai dũng sĩ của các tộc người miền núi lại dùng nỏ làm bằng ống bương để bắn mặt trời và để diệt trừ kẻ ác. Nếu hình tượng người khoẻ tài ba của các tộc người miền núi sắc nét trong truyện kể với vóc dáng khoẻ, kỳ tài trong công việc chặt cây, đập đập, đục máng, giết hổ, quật rắn, một mình vác trâu qua đầm lầy, nhổ tre đánh hổ, khuấy nước diệt thường luồng ... thì trong truyện kể của người Kinh lại là cách thể hiện mang tính chung khái quát của hình tượng trong công cuộc chinh phục cải tạo thiên nhiên, đấu tranh chống áp bức xã hội chống giặc ngoại xâm của Sơn Tinh, Thánh Gióng, Thạch Sanh... Cùng là một hình tượng nhưng cách thể hiện lại cụ thể, riêng biệt mang sắc thái tộc người, lấy chất liệu từ trong chính đời sống văn hoá - kinh tế - xã hội của chính tộc người.

Dân tộc có nghĩa quốc gia và dân tộc cũng có nghĩa là một tộc người cụ thể. Nghiên cứu văn hoá tộc người, văn hoá dân tộc dù ở góc độ nào cũng đều hướng tới đích khẳng định sự trường tồn của các giá trị văn hoá truyền thống để phát triển văn hoá hiện đại. Đặt việc nghiên cứu những tác phẩm văn học dân gian trong tổng thể văn hoá dân gian theo tinh thần Folklore là một cách tiếp cận vừa có giá trị học thuật vừa có giá trị thời đại và ý nghĩa xã hội. Hơn nữa, xuất phát từ quan niệm: truyện kể dân gian, cũng như mỗi hiện tượng văn học dân gian vừa là hiện tượng sinh hoạt mang chứa nội dung văn hoá, vừa là hiện tượng thẩm mỹ, phản ánh hiện thực bằng các hình tượng văn học, nên nghiên cứu truyện kể dân gian theo cách tiếp cận giải mã văn hoá dân gian là cách mang lại nhiều hiệu quả để hiểu trọn vẹn một thể loại văn học dân gian.

Chính vì thế, nếu chỉ nghiên cứu truyện kể dân gian theo lối cảm thụ truyền thống, khai thác cái hay cái đẹp của hình tượng không thôi thì chưa đủ mà còn phải nhận thức được: "Truyện kể dân gian không phải là sáng tạo nghệ thuật thuần túy tách khỏi các mục đích thực dụng. Nó gắn với tín ngưỡng, phong tục và là một hình thức nhận thức cuộc sống của những tập thể, phản ánh trình độ tập thể. Cái thực dụng được hoàn thiện sẽ

mang ý nghĩa nghệ thuật, ý nghĩa đó được phản ánh ngay trong nội dung của mỗi quan hệ hiện thực - thẩm mỹ có tính nguyên hợp, tạo thành sức sống lâu bền và bản sắc độc đáo tộc người" [16:25]. Hơn nữa, chúng tôi cho rằng, vốn hiểu biết về một dân tộc, một tộc người dù có phong phú đến đâu chẳng nữa thì cũng vẫn chỉ được coi là chưa hiểu biết gì nhiều, bởi vì muốn hiểu biết sâu sắc thì phải có đối chứng, đối sánh. Mặt khác, thuộc tính của văn hoá bao giờ cũng là đa diện, đa năng, đa dạng. Một mặt nói đến văn hoá là nói đến truyền thống văn hoá, nhưng mặt khác nói đến văn hoá là nói đến sự giao lưu, sự biến đổi nói chung là sự đổi mới và phát triển.

Truyện kể dân gian là khái niệm được dùng như một tên gọi chung cho loại hình tự sự dân gian với các thể loại như thần thoại, sử thi, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười, truyện thơ dân gian... Chúng tôi sử dụng khái niệm truyện kể dân gian với hai lý do sau đây:

Một là, chúng tôi tập trung khảo sát nghiên cứu kiểu truyện trên văn bản của một hệ thống mở luôn có sự vận động và biến đổi theo đặc trưng văn bản của văn học dân gian. Nghĩa của văn bản phụ thuộc vào ngữ cảnh xã hội, môi trường văn hoá tộc người nên khi bị cuốn theo sự chuyên hoá về nội dung trong việc khảo sát chuỗi tác phẩm, liên tác phẩm khó thấy được sự rạch ròi giữa thể loại này hay thể loại khác. Theo quan điểm của chúng tôi, Sơn Tinh và Thủy Tinh là thần thoại trong khởi nguyên, nhưng khi chuyển hoá vào truyền thuyết Hùng Vương thì Sơn Tinh, nhân vật của thần thoại lại là Tản Viên, nhân vật của truyền thuyết, tiếp đến chiến tranh giành vợ lại được bổ sung vào cấu trúc ban đầu, mang ý nghĩa phản ánh phong tục tập quán, với những ước mơ khát vọng trong những hư cấu kỳ ảo ngả màu cổ tích của những "voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao". Vì thế đòi hỏi người nghiên cứu phải bóc tách dần các lớp văn hoá để nhận diện khi khảo sát phân tích. Có những yếu tố sinh ra từ thời thần thoại vẫn còn nguyên trong cấu trúc, trong khi đó thì bản thân cấu trúc đã mở rộng ra để thực hiện chức năng của truyền thuyết, đồng thời trong quá trình thực hiện chức năng của truyền thuyết thì yếu tố cổ tích xâm nhập vào.

Hai là, khái niệm tên gọi truyện kể dân gian đã hàm chứa ẩn ý, gợi cho chúng ta sự liên tưởng về quan hệ giữa truyện kể dân gian với văn hoá dân gian. Điều đó có lẽ cũng phù hợp với loại hình truyện kể với đặc điểm riêng: lấy kể làm phương thức diễn xướng; lấy lời nói văn xuôi làm hình thức ngôn ngữ; lấy truyện làm đối tượng nghệ thuật như Phan Đăng Nhật đã phân tích. Cũng theo ông, để nhấn mạnh tính chất kể thì các tộc người Tày - Thái đã gọi "quăm tô" là truyện kể - "quăm tô" nghĩa là lời kể có sự đối lập rõ rệt với "quăm khắp" nghĩa là lời hát [14, tr.36].

Do ưu thế loại hình, truyện kể dân gian có khả năng phản ánh khá toàn diện mọi mặt cuộc sống của con người trong các ứng xử khác nhau như ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Cụ thể hơn, truyện kể dân gian còn thể hiện rõ thế giới quan và nhân sinh quan của mỗi tộc người cùng với quan niệm về thiên nhiên, về nguồn gốc loài người, tộc người, về lao động sản xuất, về quan hệ giữa con người với thiên nhiên, con người với con người trong xã hội cộng đồng làng bản, về đấu tranh chống lại mọi kẻ thù, mọi thế lực xấu xa tàn bạo để hướng tới một cuộc sống tốt đẹp hơn cho dù mới chỉ là trong ước vọng. Cũng như những tác phẩm văn hoá văn nghệ dân gian khác, truyện kể dân gian đã "trở thành bằng chứng độc đáo cho lịch sử tư tưởng, triết lý của một dân tộc, là nơi thể hiện tâm tư, ước vọng, tâm hồn tình cảm, thị hiếu thẩm mỹ... của một dân tộc"[12, tr.11].

Truyện kể dân gian, cũng như mọi hiện tượng văn học dân gian khác vừa là hiện tượng sinh hoạt mang chứa nội dung văn hoá, vừa là hiện tượng thẩm mỹ, phản ánh hiện thực bằng các hình tượng văn học. Do vậy, nghiên cứu truyện kể dân gian theo cách tiếp cận giải mã văn hoá dân gian từ ngọn nguồn văn hoá theo các mối quan hệ loại hình văn hoá tộc người có thể sẽ mang lại những giá trị mới trong việc nghiên cứu thể loại văn học dân gian.

Theo xu thế phát triển của văn học dân gian ở Việt Nam, sự chuyển hoá thể loại đã diễn ra khá nhanh chóng. Thế giới thần thoại của các tộc người trên đất Việt không có thời gian thống trị dài lâu như thế giới thần thoại của Hy Lạp. Do sinh tồn trên một đất nước luôn phải đối diện với nhiều thách thức của điều kiện tự nhiên khắc nghiệt và điều kiện xã hội lịch sử nhiều biến động, con người phải có tinh thần cộng đồng để tồn tại và phát triển. Sự hình thành ý thức dân tộc có cơ sở sâu xa từ yêu cầu khách quan của sự đoàn kết cộng đồng.

Hơn nữa, môi trường sống định cư làm ruộng nước cũng sớm tạo ra ý thức phải thực tiễn để sinh tồn, phải chấp nhận đối diện với thực tại để giữ đất, giữ nước. Vì thế, truyền thuyết đã tiếp bước thần thoại theo xu thế truyền thuyết hoá thần thoại. Trên cốt nền của thần thoại, truyền thuyết đảm nhận hai chức năng: giáo dục ý thức lịch sử trong hoàn cảnh chưa có chữ viết, chưa có văn học thành văn, đồng thời thực hiện chức năng thoả mãn mỹ cảm. Các yếu tố của cổ tích được đan cài, được xâm nhập vào truyền thuyết, hay nói như các nhà nghiên cứu, cổ tích được hình thành ngay trong lòng truyền thuyết. Chính vì thế trong các kiểu truyện dân gian hay trong một tác phẩm truyện kể dân gian, chúng ta luôn nhận diện được các tầng lớp văn hoá của các thời đại khác nhau được đan lồng, khúc xạ theo các hướng nhận thức thế giới bằng con đường huyền thoại hoá. Tuy mỗi thể loại có mục đích, hoàn cảnh lịch sử ra đời khác nhau, có nội dung phản ánh

những phương diện hiện thực khác nhau, có sự lựa chọn cách thức, phương tiện, chất liệu nghệ thuật khác nhau và có số phận lịch sử khác nhau nhưng tất cả đều tạo nên một sự liên hoàn, đan lồng nhiều hình thức nghệ thuật trong một loại hình để đáp ứng nhu cầu nhận thức bằng trí tưởng tượng và bằng lưu truyền, diễn xướng.

### **3. Nghiên cứu so sánh truyện kể dân gian - một định hướng nghiên cứu trên ngã đường tiếp cận văn hoá tộc người Việt Nam**

#### ***3.1. Những trải nghiệm trong việc nghiên cứu truyện kể dân gian Tày - Việt dưới góc nhìn mối quan hệ văn hóa tộc người***

Trên cơ sở cứ liệu 378 truyện kể của người Kinh và 201 truyện của người Tày, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu so sánh mối quan hệ văn hóa Tày - Việt theo sự biến đổi liên tục đánh dấu các mốc lịch sử của sự phát triển thể loại với khung phân tích qua hai hướng tiếp cận: tiếp cận hình thức cấu tạo cốt truyện và tiếp cận motif để nhận diện sự tương đồng dị biệt, ảnh hưởng lẫn nhau giữa hai tộc người. Hơn nữa, chúng tôi còn đặt nghiên cứu của mình vào cơ sở khung lý thuyết tổng hợp với quan điểm đặt văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam chính là nghiên cứu sự tích hợp văn hóa tộc người do người Việt làm chủ thể, được đánh dấu qua quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa giữa các tộc người.

Nhằm làm sáng tỏ mối quan hệ văn hoá Tày – Việt được phản ánh, tích hợp, lưu giữ trong kho tàng truyện kể dân gian, chúng tôi đã xác định con đường tiếp cận giữa hai góc độ ngữ văn – dân tộc học để khai thác một đối tượng vừa mang đặc trưng văn học vừa mang đặc trưng văn hoá với tính nguyên hợp là truyện kể dân gian Tày, Việt. Thông qua việc phân tích các hình tượng nhân vật và bóc tách giải mã các motif, các biểu tượng văn hoá trên cơ sở nhận diện sự vận động và biến đổi của cốt truyện, sự diễn hoá của các motif qua không gian và thời gian mang đặc trưng của thể loại, được quy định bởi chức năng tộc người của văn hoá, chúng tôi đã làm nổi rõ mối quan hệ văn hoá Tày – Việt trong tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước của cả dân tộc.

Chúng tôi đã tập trung khảo sát, so sánh ba kiểu truyện cơ bản:

- kiểu truyện về người anh hùng kiến tạo thế giới, kiến tạo vũ trụ
- kiểu truyện về người anh hùng văn hoá
- kiểu truyện về người anh hùng chiến trận chống giặc ngoại xâm

trong kho tàng truyện kể dân gian Tày, Việt gắn liền với ba giai đoạn quan trọng của tiến trình phát triển mối quan hệ văn hoá giữa hai tộc người. Đó là giai đoạn khởi đầu của kỷ nguyên huyền thoại, tiếp theo sau là giai đoạn của quá trình dựng nước, sáng tạo văn hoá, rồi tới quá trình giữ nước, chống giặc ngoại xâm qua Văn Lang - Âu Lạc đến Đại Việt.

Khi so sánh truyện kể về Tài Ngào và Pụt Luông với các truyện kể về các thần Việt, chúng tôi nhận thấy một sự đồng hình rất lý thú, trong đó có sự vận động của motif người khổng lồ trong một không gian rộng lớn với thời gian không xác định. Từ điểm nhìn mối quan hệ văn hoá tộc người, chúng tôi cho rằng: kiểu truyện này đã chuyển tải một quá trình tích hợp bền bỉ các giá trị văn hoá tộc người riêng trên cơ tầng một nền văn hoá chung – văn hóa nông nghiệp lúa nước gắn với việc sùng bái tự nhiên, coi trọng tín ngưỡng phồn thực và với tâm thức cội nguồn sinh ra từ một bào thai, cái trứng, quả bầu.

Truyện kể về người anh hùng văn hóa là sự phát triển logic từ các hình tượng người khổng lồ kiến tạo thế giới, kiến tạo vũ trụ thành người anh hùng văn hóa với các motif tìm ra lửa, tìm ra lúa, sáng tạo những giá trị tinh thần, chống lũ chống hạn. Đặc biệt, qua đối sánh trực tiếp các truyện kể Lạc Long Quân, Âu Cơ, Tản Viên (Việt) ..., Pụt Luông, Pư Lương Quân Siao Cái ... (Tày), chúng tôi nhận thấy quan hệ cội nguồn và sức mạnh dân tộc đã được tái tạo qua hình tượng nhân vật Thục Phán – An Dương Vương, một biểu hiện của sự hòa hợp thống nhất Tày – Việt cả trong lịch sử, cả trong truyền thuyết từ đồng hình đến giao lưu. Nhiều chứng cứ về sự giao lưu văn hoá giữa hai tộc người như tín ngưỡng thờ đá, thờ rùa, tục mặc áo lông chim, tục đãi dâu không đãi rêu... của người Tày đã được lặp lại trong nhiều truyện kể của người Kinh.

Kiểu truyện người anh hùng chiến trận chống giặc ngoại xâm phản ánh giai đoạn hình thành quốc gia thời Văn Lang Âu Lạc với tâm thức yêu nước và thần thánh hóa người anh hùng dân tộc. Đó là hình tượng Thánh Dóng (Việt), Nùng Chí Cao, Dương Tự Minh (Tày)... Tinh thần chống giặc ngoại xâm của cả hai tộc người cũng như của cả dân tộc Việt Nam đã được chuyển giao qua nhiều thế hệ trên cơ sở của một ý thức chung là lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc mang một sắc màu tâm linh sâu sắc.

Có nhiều cách tiếp cận để khẳng định những giá trị thẩm mỹ vốn có cũng như những giá trị trường tồn của văn hóa dân gian Việt Nam. Nhưng chúng ta sẽ không thể cảm nhận và khám phá đến độ sâu sắc các giá trị tư tưởng thẩm mỹ của các cốt truyện, các mẫu kể, các motif cốt lõi của các truyện kể dân gian về cội nguồn, về quá trình dựng nước và giữ nước của các tộc người nếu như không đặt chúng trong mối quan hệ so sánh loại hình văn hóa tộc người.

### ***3.2. Những hứa hẹn trong việc tìm hiểu nghiên cứu phát huy các giá trị văn hóa Việt Nam – một nền văn hóa đa sắc màu, thống nhất trong đa dạng***

Khi nhận xét công trình nghiên cứu của chúng tôi về *Mối quan hệ văn hóa Tày – Việt dưới góc độ thẩm mỹ qua một số kiểu truyện kể dân gian cơ bản* [8], PGS. TS. Nguyễn Chí Bền đã nhấn mạnh: nghiên cứu so sánh văn hóa của các tộc người ở Việt Nam hiện nay là một hướng nghiên cứu cần thiết, bởi chỉ qua so sánh, mới hy vọng tìm

ra nét bản sắc văn hóa của mỗi tộc người. Trong việc nghiên cứu này, tiếp cận mối quan hệ văn hóa giữa các tộc người là một nội dung cần thiết. Từ trước đến nay, chưa có nhiều công trình tiếp cận vấn đề này. Chính vì thế, các nhà nghiên cứu ngữ văn, dân tộc học, văn hóa học cần dừng lại lâu hơn ở mối quan hệ văn hóa giữa các tộc người.

Theo chúng tôi, hướng so sánh văn hoá - văn học dân gian giữa tộc người chủ thể Kinh (Việt) với các tộc người khác cần được tiếp tục khảo cứu trên diện rộng. Một sự hứa hẹn có thể sẽ là các so sánh Việt - Mường, Việt - Chăm, Việt - Hoa, Việt - Khme... để từ đó có thể khẳng định rõ bản sắc văn hoá Việt từ điểm nhìn văn hoá tộc người và lực hút của chủ thể Việt đối với toàn thể cộng đồng dân tộc trong vai trò quy tụ các thành phần dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam.

Gần đây, giáo sư Phan Đăng Nhật đã có bài nghiên cứu về quan hệ tương tác giữa văn hóa phi vật thể của các tộc người anh em với văn hóa của người Việt. Trong bài nghiên cứu, ông đã phân tích thời kỳ huyền thoại và sử thi tiêu biểu với những truyện quả bầu, truyện chim, truyện rắn, truyện rùa... Đặc biệt, ông đã lập bảng so sánh sử thi “Đẻ đất đẻ nước,, của người Mường với truyền thuyết Hùng Vương vào thời dựng nước của người Việt để khẳng định một thời kì Việt Mường chung – chung một địa bàn cư trú, chung nòi giống, chung một gia tài văn hóa (chung huyền thoại, sử thi, ngôn ngữ)... [15]. Nếu theo sự gợi dẫn này, chúng tôi tin chắc rằng con đường tiếp cận mối quan hệ văn hóa Việt - Mường qua huyền thoại và sử thi sẽ hứa hẹn nhiều phát hiện mới.

### **Kết luận**

Nghiên cứu văn hoá và mối quan hệ lịch sử văn hoá tộc người trong văn học dân gian sẽ góp phần làm sáng tỏ nhận thức về sự tồn tại của văn hoá trong trạng thái luôn vận động, có sự tiếp thu, chọn lọc, lưu giữ và nuôi dưỡng để vừa đảm bảo phát triển vừa giữ vững bản sắc cội nguồn theo tiến trình phát triển của lịch sử [7, tr.87], mà lịch sử Việt Nam theo nhà nghiên cứu lịch sử Nguyễn Quang Ngọc, là “lịch sử của một cộng cư dân nhiều tộc người, có tộc người đa số, có các tộc người thiểu số, có tộc người đến trước, có tộc người đến sau, nhưng một khi đã hòa chung vào cộng đồng dân tộc Việt Nam thì chung sức chung lòng cùng nhau dựng nước và giữ nước,, và quá trình phát triển của lịch sử Việt Nam là quá trình vừa mở rộng vừa quy tụ, trong đó quy tụ luôn luôn là xu hướng chủ đạo [17, tr.10].

Truyện kể dân gian cũng như bất kỳ một thể loại văn học dân gian nào khác đều là một hiện tượng mang tính nguyên hợp nên đã là đối tượng nghiên cứu được khai thác từ nhiều góc độ như sử học, khảo cổ học, dân tộc học, ngôn ngữ học và một số ngành nghệ thuật khác... đặc biệt là từ góc độ nghiên cứu của folklore, của văn hoá - văn học dân gian.

Tiến hành nghiên cứu so sánh các mẫu kể tiêu biểu được xác định trong hệ thống truyện kể dân gian để làm nổi bật các mối quan hệ văn hoá tộc người với những biểu tượng văn hoá thẩm mỹ đặc trưng, thông qua việc khảo sát và thẩm định những giá trị tư tưởng thẩm mỹ ở các cấp độ: hệ thống đề tài, cấu trúc tác phẩm, nhân vật và motif là một hướng nghiên cứu trên ngã đường tiếp cận văn hóa tộc người Việt Nam.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (1998), Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII, Đảng cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr 63.
- [2] Nông Quốc Chấn, Huỳnh Khải Vinh (2002), Văn hoá các dân tộc Việt Nam thống nhất mà đa dạng, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Từ Chi (2003), Góp phần nghiên cứu văn hoá và tộc người, NXB Văn hoá-Thông tin, Hà Nội.
- [4] Phan Hữu Dật (1998), Một số vấn đề về dân tộc học Việt Nam, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Chu Xuân Diên (2004), Mấy vấn đề văn hoá và văn học dân gian Việt Nam, NXB Văn nghệ TP Hồ Chí Minh.
- [6] Phạm Đức Dương (2000), Văn hoá Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [7] Ngô Minh Hiền (2004), “Hoàng Phủ Ngọc Tường, văn hoá qua cái nhìn lịch sử”, Tạp chí văn hoá nghệ thuật, số 3, tr.87 – 91 và 110.
- [8] Hà Thị Thu Hương (2007), *Mối quan hệ văn hóa Tày – Việt dưới góc độ thẩm mỹ qua một số kiểu truyện kể dân gian cơ bản*, Luận án Tiến sĩ, Trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [9] Nguyễn Xuân Kính (2003), Con người môi trường và văn hoá, NXB Khoa học xã hội.
- [10] Nguyễn Quang Lê (2005), “Về cuốn Văn hoá học - những lý thuyết nhân học văn hoá ở A. A. Belik”, Tạp chí Văn hoá Dân gian, số 4, tr. 49 - 59.
- [11] Lã Văn Lô (1965), “Tìm hiểu về tôn giáo, tín ngưỡng ở vùng Tày – Nùng – Thái”, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 75, tr.55-64.
- [12] Đặng Văn Lung (2004), Văn hoá Thánh Mẫu, NXB Văn hoá-Thông tin.
- [13] Đỗ Hoài Nam (2004), “Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia 50 năm xây dựng và phát triển”, Tạp chí Văn hoá Dân gian, số 1, tr.3-12.



- [14] Phan Đăng Nhật (1977), *Cố gắng phân loại văn học dân gian các dân tộc ít người như nó vốn tồn tại trong cuộc sống*, Tạp chí văn học, số 6, tr. 29 – 42.
- [15] Phan Đăng Nhật (2005), “Quan hệ tương tác về văn hoá phi vật thể giữa văn hoá các tộc người anh em và văn hoá người Việt”, *Tạp chí Di sản Văn hoá*, số 4 (13), tr. 58 – 63.
- [16] Nhiều tác giả (1996), *Giữ gìn và bảo vệ bản sắc văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam*, NXB Văn hoá Dân tộc.
- [17] Nhiều tác giả (2006), *Đóng góp của các dân tộc nhóm ngữ Tày – Thái trong tiến trình lịch sử Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [18] Ngô Đức Thịnh (2003), “Về khái niệm không gian văn hoá”, *Tạp chí Văn hoá Dân gian*, số 4, tr. 3-8.
- [19] Lê Ngọc Trà (Tập hợp và giới thiệu), (2001), *Văn hoá Việt Nam, đặc trưng và cách tiếp cận*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [20] Vũ Anh Tuấn (1991), *Khảo sát cấu trúc và ý nghĩa một số típ truyện kể dân gian Tày ở vùng Đông Bắc Việt Nam*, Luận án Phó Tiến sĩ khoa học Nhân văn.
- [21] Đặng Nghiêm Vạn (2003), *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam*, NXB Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- [22] Trần Quốc Vượng (chủ biên) (1996), *Văn hoá học đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội.